

Bản án: 106/2021/HS-ST

Ngày: 19 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hương

Ông Nguyễn Hồ Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2021/QĐXXST-HS ngày 30/6/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lữ Thị M; tên gọi khác: Lữ Thị M1; giới tính: Nữ; sinh ngày 16 tháng 4 năm 1978 tại huyện K, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: bản H, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ mú; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Làm rẫy; con ông: Lữ Văn P và bà: Lữ Thị P (đều đã chết); chồng: Xeo Văn C; con: có 06 người; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/9/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 3 (ba) năm tù về tội “Mua bán người”, hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6 - Bộ Công an. Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An theo Lệnh trích xuất ngày 19/02/2021 cho đến nay. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Lữ Thị M: Ông Nguyễn Văn Hùng - Trợ giúp viên pháp lý, chi nhánh trợ giúp pháp lý số 3, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người bị hại: Chị Moong Thị Đ, sinh năm: 1981; trú tại: Bản H, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An. Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Tạ Ngọc Vân,

Văn phòng Luật sư Tạ Văn và Cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2012 (không nhớ rõ ngày tháng), thông qua mối quan hệ họ hàng Lữ Thị K, sinh năm 1991, trú tại bản Đình Sơn 1, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An (đã và đang làm ăn ở Trung Quốc) liên lạc bằng điện thoại với Lữ Thị M. Qua trao đổi, nói chuyện, Lữ Thị K đặt vấn đề với Lữ Thị M để M tìm người phụ nữ Việt Nam có nhu cầu sang Trung Quốc lấy chồng, thì đưa họ sang Trung Quốc để K bán cho người Trung Quốc lấy làm vợ. K hứa với M sẽ trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền công cho một người thì Lữ Thị M đồng ý.

Khoảng tháng 3 năm 2012, Lữ Thị M gặp Moong Thị Đ, sinh năm 1981, trú tại bản H, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An, thì Moong Thị Đ có hỏi Lữ Thị M “bên Trung Quốc có việc gì làm không? Đưa em đi với”, Lữ Thị M trả lời “bên Trung Quốc không có gì làm, chỉ có lấy chồng người Trung Quốc mới có tiền”. Moong Thị Đ không nói gì. Moong Thị Đ nói với bà Cụt Thị S (là mẹ đẻ của Đ) với nội dung “có chị M đến rủ đi Trung Quốc lấy chồng”, Cụt Thị S khuyên Moong Thị Đ đừng đi vì đang có con nhỏ không có ai chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời điểm đó, vợ chồng Moong Thị Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Đ thường bị chồng đánh đập nên khoảng cuối tháng 3 năm 2012, Đ cùng mẹ là Cụt Thị S đến nhà Lữ Thị M để nhờ M đưa Moong Thị Đ đi Trung Quốc làm việc. Sau khi gặp nhau, Lữ Thị M nói: “Nếu đồng ý cho Moong Thị Đ sang Trung Quốc lấy chồng thì M sẽ trả cho gia đình 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)”. M hứa đưa Moong Thị Đ sang Trung Quốc lấy chồng khoảng một năm sau M sẽ có trách nhiệm đón Moong Thị Đ trở về Việt Nam, Cụt Thị S và Moong Thị Đ đồng ý.

Khoảng ba ngày sau, Moong Thị Đ liên lạc với Lữ Thị M để đi Trung Quốc. Sau đó, Lữ Thị M đón xe khách cùng Moong Thị Đ đi đến thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, rồi cả hai tiếp tục đón xe khách KaLong chạy tuyến Tương Dương đi thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Khi đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Lữ Thị M và Moong Thị Đ được một người phụ nữ (M khai người này do Lữ Thị K thuê) dẫn đi sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch (vượt biên bằng đường sông sang Trung Quốc). Lữ

Thị M và Moong Thị Đ được người phụ nữ đưa đi vào sâu nội địa Trung Quốc đến nhà của Lữ Thị K. Sau đó, Lữ Thị M về Việt Nam.

Khoảng 02 tháng sau, Moong Thị Đ bị bán cho một người Trung Quốc tên Chang trú tại huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc với số tiền 06 vạn Nhân dân tệ, tương đương 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) tiền Việt Nam. Lữ Thị K liên lạc với Lữ Thị M thông báo đã bán Moong Thị Đ lấy chồng Trung Quốc thành công. K nói sẽ gửi 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để M trả cho gia đình Moong Thị Đ, còn tiền hoa hồng 10.000.000đ (mười triệu đồng) K sẽ gửi về sau.

Khoảng tháng 10 năm 2013, Lữ Thị K gửi về cho Lữ Thị M 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam Chi nhánh huyện K, tỉnh Nghệ An. Sau khi nhận tiền, Lữ Thị M đến nhà Cụt Thị S để giao nhưng bà S không ở nhà. Lữ Thị M gặp Moong Văn N (là em trai của Moong Thị Đ), sinh năm 1991 đang ở nhà nên M đã giao 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho N và nói N giao lại cho Cụt Thị S (mẹ đẻ của N), Moong Văn N đồng ý. Lữ Thị M xin Moong Văn N tiền xăng xe đi lại, N cho M 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Đối với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), Lữ Thị K hứa trả cho M, đến nay, theo M khai vẫn chưa được nhận.

Do cuộc sống khổ cực, chồng đối xử không tốt nên đầu năm 2021, Moong Thị Đ bỏ trốn về Việt Nam. Ngày 27/01/2021, Moong Thị Đ đến Ban Công an xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An, tố cáo hành vi mua bán người của Lữ Thị M.

Về vật chứng: Điện thoại có gắn thẻ sim dùng để liên lạc trong quá trình đưa bị người hại sang Trung Quốc bán được xác định có liên quan đến tội phạm. Do thời gian phạm tội xảy ra đã lâu, những điện thoại bị cáo sử dụng đã hỏng hoặc mất, Lữ Thị M không nhớ cụ thể đặc điểm điện thoại, số thuê bao như thế nào, nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được. Số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) Lữ Thị M giao cho gia đình của Moong Thị Đ, bà S đã chi tiêu hết.

Về dân sự: Quá trình điều tra, truy tố, chị Moong Thị Đ yêu cầu bị cáo Lữ Thị M bồi thường số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Gia đình bị cáo đã bồi thường xong cho chị Đ. Chị Đ không yêu cầu về phần dân sự và xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 136/CT/VKS-P2 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố bị cáo Lữ Thị M về tội “Mua bán người” theo điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại

phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lữ Thị M từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Mua bán người”. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 114/2019/HSST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của người bị hại, nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Phản tranh luận:

Người bào chữa cho bị cáo Lữ Thị M không tranh luận về chứng cứ, tội danh, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo thấp hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An vì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, việc người bị hại đi Trung Quốc là tự nguyện, bị cáo không lừa dối, không ép buộc, bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại, người bị hại đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại: Không tranh luận về tội danh, bị cáo đã bồi thường dân sự, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lữ Thị M đồng ý với quan điểm của người bào chữa, không tranh luận với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Lữ Thị M khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên đủ căn cứ kết luận: Do hám lợi và lợi dụng thiếu hiểu biết của nạn nhân nên đầu năm 2012, Lữ Thị K liên lạc với Lữ Thị M, cùng nhau bàn bạc thống nhất tìm người đưa sang Trung Quốc để bán kiếm tiền tiêu xài. Khoảng tháng 3 năm 2012, biết Moong Thị Đ có nhu cầu đi Trung Quốc, nên M đã đưa Đ đi bằng đường tiểu ngạch sang Trung Quốc để Lữ Thị K bán Đ cho người đàn ông Trung Quốc được 06 (sáu) vạn Nhân dân tệ,

tương đương 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) tiền Việt Nam. Lữ Thị K đã chuyển qua tài khoản 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) về cho Lữ Thị M, còn 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền công của M, K hứa chuyển về sau. Sau khi nhận tiền, M đã giao cho gia đình của Moong Thị Đ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Như vậy, vào khoảng tháng 3 năm 2012, Bị cáo Lữ Thị M thực hiện hành vi đưa chị Moong Thị Đ đi sang Trung Quốc để Lữ Thị K bán cho người đàn ông Trung Quốc làm vợ, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố Lữ Thị M về tội “Mua bán người” với tình tiết định khung “Để đưa ra nước ngoài”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và không tiếp tục yêu cầu bồi thường về dân sự; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không được đi học nên nhận thức pháp luật hạn chế; đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, k, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Xét hành vi, tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo Lữ Thị M là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, chỉ vì hám lợi mà bị cáo đã bất chấp truyền thống đạo lý, hôn nhân và gia đình để giúp sức cho các đối tượng khác bán chị Đ làm vợ của người Trung Quốc. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người; gây bất bình, phẫn nộ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm trừng trị và cải tạo giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

Nhưng xét thấy, bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức thứ yếu, chưa được hưởng lợi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do đó, cũng nên xem xét áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt Lữ Thị M dưới mức thấp nhất của khung hình phạt về tội “Mua bán người” quy định tại khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa là phù hợp với hành vi và tính chất tội phạm, để bị cáo cố gắng lao động, cải tạo sớm trở thành người tốt.

Hiện tại bị cáo Lữ Thị M đang chấp hành hình phạt 03 năm tù về tội “Mua bán người” tại bản án số 114/2019/HSST ngày 06/9/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Như vậy, bị cáo đang chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, nên cần căn cứ vào Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), để tổng hợp hình phạt của

hai bản án và buộc bị cáo phải chấp hành chung theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra gia đình bị cáo M đã bồi thường cho người bị hại 100.000.000 đồng (Bao gồm số tiền 30.000.000 đồng mà trước đây Lữ Thị M đã đưa cho bà Cụt Thị S và bồi thường tiếp số tiền 70.000.000 đồng), bị hại Moong Thị Đ đã nhận đủ 100.000.000 đồng và có đơn không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong vụ án này, Lữ Thị M khai có Lữ Thị K là người trực tiếp bán chỉ Moong Thị Đ cho người đàn ông Trung Quốc, hiện tại chưa điều tra được, trường hợp điều tra làm rõ, truy tố Lữ Thị K phạm tội thì K cũng phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường dân sự số tiền mà bị cáo M đã trả cho chị Đ theo quy định pháp luật.

[6] Về các quyết định và hành vi tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa người bào chữa và bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với Lữ Thị K là người bàn bạc với Lữ Thị M về việc đưa phụ nữ sang Trung Quốc để bán, hiện K không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra đang xác minh theo quy định.

Đối với Cụt Thị S và Moong Văn Nghệ là người đã nhận số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) do Lữ Thị M giao. Nhưng Cụt Thị S không biết mục đích Lữ Thị M đưa Moong Thị Đ sang Trung Quốc để bán. Moong Văn Nghệ trực tiếp nhận 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) từ Lữ Thị M để đưa cho Cụt Thị S, số tiền này Nghệ không biết là tiền gì. Cụt Thị S và Moong Văn Nghệ không bàn bạc, thỏa thuận việc mua bán Đ để hưởng lợi. Hành vi nêu trên của Cụt Thị S và Moong Văn Nghệ không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, k, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Xử phạt bị cáo Lữ Thị M 04 (Bốn) năm tù về tội “Mua bán người”. Tổng hợp với 03 (ba) năm tù tại Bản án số 114/2019/HSST ngày 06/9/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai bản án là 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 08/3/2019.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

2. Về phần dân sự: Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Lữ Thị M đã bồi thường cho người bị hại 100.000.000 đồng, nay người bị hại Moong Thị Đ không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lữ Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Nghệ An;
- Phòng PV06 CA tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã H, huyện K
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Trang